

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CR
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2020
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR,
TỈNH KHÁNH HOÀ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Nhị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Diệu Thảo
2. Bà Phan Thị Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Huân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR - tỉnh Khánh Hòa:** Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Cẩm T, sinh năm 1988

HKTT: Số 44 đường số 1A, khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bi đơn: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1988

HKTT: Số 44 đường số 1A, khu phố 9, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã CTN, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc D tự nguyện tìm hiểu và chung sống

với nhau từ năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114/2013, quyền số 01 ngày 15/10/2013.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi, gây ra nợ nần và không quan tâm chăm lo cho vợ con. Do đó, vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08/02/2015. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ của ai.

* *Tại bản tự khai ngày 27/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:* anh và chị Đồng Thị Cẩm T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114/2013, quyền số 01 ngày 15/10/2013 đúng như chị T đã trình bày.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, nhà cửa dẫn đến xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Đồng Thị Cẩm T có 01 con chung Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08/02/2015. Anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Nha Trang, Khánh Hòa số tiền 70.000.000 đồng; nợ anh Huỳnh Ngọc H – sinh năm 1985, trú tại: Số 1106/11 đường Nguyễn D T, phường LT, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh D yêu cầu chị T chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đúng quy định của pháp luật, vi phạm Điều 70, 72 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Không xem xét yêu cầu giải quyết về nợ chung của bị đơn vì bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với người mà bị đơn khai vợ chồng có nợ nhưng không đến và không có ý kiến.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Huyền Tr (bản sao); Căn cước công dân và sổ hộ khẩu mang tên Đồng Thị Cẩm T (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Đồng Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố CR giải quyết về ly hôn với anh Nguyễn Quốc D nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Chị Đồng Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114/2013, quyển số 01 ngày 15/10/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2017 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng về kinh tế nhưng vợ chồng anh chị không cùng nhau bàn bạc, hàn gắn mâu thuẫn mà lại thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng sống mỗi người một nơi từ năm 2018, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau và không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Đồng Thị Cẩm T được ly hôn anh Nguyễn Quốc D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Đồng Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08/02/2015.

Xét thấy: Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con. Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay, cháu Huyền Tr do chị T nuôi dưỡng, giáo dục và chị T cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Trong bản tự khai, anh

Nguyễn Quốc D cũng đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng con chung, mặt khác, cháu Tr là con gái và còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, yêu cầu của chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đồng Thị Cẩm T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đồng Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Tại bản tự khai, anh Nguyễn Quốc D cho rằng vợ chồng anh có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Nha Trang, Khánh Hòa số tiền 70.000.000 đồng; nợ anh Huỳnh Ngọc H – sinh năm 1985, trú tại: Số 1106/11 đường Nguyễn D T, phường LT, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh 100.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị T phải trả các khoản nợ nêu trên trong khi chị Đồng Thị Cẩm T phủ nhận việc nợ chung mà anh D đã khai tại Tòa.

Anh Nguyễn Quốc D không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về ý kiến trên của mình.

Ngày 12/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố CR đã có biên bản xác minh tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Nha Trang và được ngân hàng cung cấp nội dung: Anh Nguyễn Quốc D và chị Đồng Thị Cẩm T không có nợ tại ngân hàng. Anh Huỳnh Ngọc Hải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm rõ việc liên quan đến anh mà anh Nguyễn Quốc D đã khai nhưng anh Hải cố tình vắng mặt và không có văn bản ý kiến nên yêu cầu của anh Nguyễn Quốc D không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đồng Thị Cẩm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Đồng Thị Cẩm T được ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị Cẩm T được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 08/02/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đồng Thị Cẩm T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Chị Đồng Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Không xem xét đối với yêu cầu của anh Nguyễn Quốc D về nợ chung.

[4]. Về án phí: chị Đồng Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000405 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CR, như vậy chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Đồng Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án sơ thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa.
- VKSND TP. CR. Chi cục
- THADS TP. CR.
- Các đương sự.
- UBND xã HM, huyện CL, tỉnh ĐT.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Nhị Hồng